

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 67 /2018/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 10 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và hỗ trợ gạo trên địa bàn tỉnh

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN	
Số: 6469	ĐẾN
Ngày: 06.11.18	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số: 2015	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG (LẦN 2)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm

2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm

2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 4017/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và hỗ trợ gạo trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và hỗ trợ gạo trên địa bàn tỉnh, như sau:

“2. Danh mục địa bàn xã khu vực III, xã khu vực II vùng dân tộc và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày

25/01/2017 và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 27/4/2017 (phụ lục danh mục địa bàn chi tiết kèm theo Nghị quyết này).

Trường hợp danh mục địa bàn các xã khu vực III, khu vực II; xã, thôn đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp bất thường (lần 2) thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 11 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Giáo dục và đào tạo;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía nam - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (TH.09).Hào.

160



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng



PHỤ LỤC
DANH MỤC ĐỊA BÀN KHU VỰC CÁC XÃ, THÔN KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 131/QĐ-TTG NGÀY 25/01/2017 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 582/QĐ-TTG NGÀY 28/4/2017 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số 67 /2018/NQ-HĐND
 ngày 30 /10/2018 của HĐND tỉnh)

Số TT	Địa bàn	Khu vực	Xã đặc biệt khó khăn	Thôn đặc biệt khó khăn	Xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển và hải đảo
I	Huyện Tuy Phong				
1	Xã Phan Dũng	III	X		
2	Xã Phong Phú	II			
-	Thôn La Bá			X	
3	Xã Phú Lạc	II			
II	Huyện Bắc Bình				
1	Xã Phan Sơn	III	X		
-	Thôn 1 (Kà Líp)			X	
-	Thôn 2 (Bon Thóp)			X	
-	Thôn 3 (Kà LúC)			X	
2	Xã Phan Lâm	III	X		
-	Thôn 2 (IaYaMau)			X	
3	Xã Phan Điền	II			
4	Xã Phan Tiến	III	X		
-	Thôn Tiến Thành			X	
5	Xã Sông Bình	II			
-	Thôn Cầu Vượt			X	
-	Thôn Đá Trắng			X	
-	Thôn Hòn Mốc			X	
III	Huyện Hàm Thuận Bắc				
1	Xã La Dạ	III	X		
-	Thôn 1			X	
-	Thôn 2			X	
-	Thôn 3			X	
2	Xã Đông Tiến	III	X		
-	Thôn 1			X	
-	Thôn 2			X	

Số TT	Địa bàn	Khu vực	Xã đặc biệt khó khăn	Thôn đặc biệt khó khăn	Xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển và hải đảo
3	Xã Đông Giang	III	X		
-	Thôn 1			X	
-	Thôn 3			X	
4	Xã Đa Mi	II			
5	Xã Thuận Minh	II			
-	Thôn Ku Kê			X	
IV	Huyện Hàm Thuận Nam				
1	Xã Mỹ Thạnh	III	X		
-	Thôn 1			X	
2	Xã Hàm Càn	II			
V	Huyện Hàm Tân				
1	Xã Sông Phan	II			
-	Thôn Tân Quang			X	
2	Xã Tân Hà	II			
-	Thôn Suối Máu			X	
3	Xã Tân Thắng	II			X
VI	Huyện Tánh Linh				
1	Thị trấn Lạc Tánh	II			
-	KP Trà Cự			X	
-	KP Tân Thành			X	
2	Xã Măng Tô	II			
-	Thôn 1			X	
3	Xã Đức Phú	II			
-	Thôn 5			X	
4	Xã Đức Bình	II			
-	Thôn 4			X	
5	Xã Gia Huỳnh	II			
6	Xã Đức Thuận	II			
-	Thôn Đồng Me			X	
-	Thôn Bàu Chim			X	
7	Xã Suối Kiệt	II			
-	Thôn 2			X	
8	Xã Huy Khiêm	II			
9	La Ngâu	III	X		
-	Bản 1			X	
-	Bản 2			X	

Số TT	Địa bàn	Khu vực	Xã đặc biệt khó khăn	Thôn đặc biệt khó khăn	Xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển và hải đảo
VII	Huyện Đức Linh				
1	Xã Mê Pu	II			
-	Thôn 7			X	
-	Thôn 9			X	
2	Xã Đức Tín	II			
-	Thôn 7			X	
3	Xã Trà Tân	II			
-	Thôn 4			X	
4	Xã Đa Kai	II			
-	Thôn 11			X	
5	Xã Sùng Nhơn	II			
6	Xã Nam Chính	II			
7	Xã Đức Chính	II			
8	Xã Đức Hạnh	II			
9	Xã Tân Hà	II			